

THÔNG BÁO

Kết quả khảo sát, xác định chỉ số hài lòng của sinh viên hệ đại học chính quy đối với dịch vụ giáo dục công tại Trường Đại học Điện lực

Thực hiện Công văn số 2637/BGDĐT-VP của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 15/5/2026 về việc hướng dẫn khảo sát, xác định chỉ số hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công;

Căn cứ Kế hoạch số 1896/KH-ĐHDL ngày 05/6/2026 về việc khảo sát, xác định chỉ số hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công, áp dụng đối với người học trình độ đào tạo hệ đại học chính quy tại Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Thông báo số 1977/TB-ĐHDL ngày 10/6/2026 về việc khảo sát đo lường mức độ hài lòng của sinh viên đối với dịch vụ công của Nhà trường;

Căn cứ Báo cáo số 140/ĐHDL-CTSV ngày 29/6/2026 về việc báo cáo kết quả khảo sát, xác định chỉ số hài lòng của sinh viên hệ đại học chính quy đối với dịch vụ giáo dục công tại Trường Đại học Điện lực;

Trường Đại học Điện lực thông báo kết quả khảo sát, xác định chỉ số hài lòng của sinh viên hệ đại học chính quy đối với dịch vụ giáo dục công tại Trường, cụ thể như sau:

I. Đối tượng khảo sát:

Sinh viên đại học chính quy được lựa chọn ngẫu nhiên đảm bảo số lượng sinh viên đông, trung bình và ít thuộc khóa D17 hệ kỹ sư, D18, D19, D20 của các Khoa: Công nghệ thông tin, Khoa học tự nhiên, Kế toán - Tài chính, Kỹ thuật điện, Lý luận chính trị và Pháp luật.

II. Thời gian thực hiện: từ ngày 10/6/2026 đến hết ngày 26/6/2026.

III. Nội dung khảo sát:

Bộ câu hỏi được sử dụng để khảo sát sự hài lòng của người học về dịch vụ giáo dục công gồm có 33 câu với 07 nội dung, cụ thể:

- 1 - Tiếp cận dịch vụ giáo dục;
- 2 - Cơ sở vật chất;
- 3 - Môi trường đào tạo;
- 4 - Hoạt động đào tạo;
- 5 - Kết quả đào tạo;
- 6 - Đánh giá chung;
- 7 - Đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ đào tạo.

Sự hài lòng của người học được khảo sát ở 5 mức độ theo thang đo Likert:

- 1 - Rất không hài lòng;
- 2 - Không hài lòng;

3 - Bình thường;

4 - HÀi lòng;

5 - Rất HÀi lòng.

Ngoài ra người được khảo sát có thể góp ý thêm vào mục Ý kiến khác

IV. Hình thức thực hiện: khảo sát trực tuyến trên cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo <https://sipas.moet.gov.vn/>

V. Kết quả khảo sát:

5.1. Đặc điểm đối tượng khảo sát:

TT	Ngành học	Khoa	Tổng số lượng sinh viên	Số sinh viên được BGD&ĐT lựa chọn khảo sát	Số sinh viên thực hiện khảo sát	Tỷ lệ %
1	Công nghệ thông tin	Khoa Công nghệ thông tin	2124	324	324	100%
2	Khoa học dữ liệu		72	15	15	100%
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khoa Kỹ thuật điện	2141	318	318	100%
4	Kỹ thuật Robot		110	22	22	100%
5	Công nghệ tài chính	Khoa Kế toán - Tài chính	83	17	17	100%
6	Kế toán		740	151	151	100%
7	Kiểm toán		282	46	46	100%
8	Tài chính - Ngân hàng		539	108	108	100%
9	Luật kinh tế	Khoa Lý luận chính trị và Pháp luật	126	96	96	100%
10	Toán tin	Khoa Khoa học tự nhiên	50	45	45	100%
Tổng			6257	1142	1142	100%

5.2. Kết quả:

Lĩnh vực	Tiêu chí	Số người	Điểm TB	% HÀi lòng
Tiếp cận dịch vụ giáo dục	Học phí của trường phù hợp	1142	4.58	92.6%
Tiếp cận dịch vụ giáo dục	Các khoản đóng góp theo quy định của nhà trường phù hợp	1142	4.68	95.3%
Tiếp cận dịch vụ giáo dục	Trường có các phương thức tuyển sinh phù hợp	1142	4.74	97.1%
Tiếp cận dịch vụ giáo dục	Thủ tục nhập học thuận tiện	1142	4.75	96.9%
Tiếp cận dịch vụ giáo dục	Chính sách nhà nước hỗ trợ đối tượng đặc biệt (học sinh khuyết tật, con thương binh, liệt sĩ, hộ nghèo, dân tộc thiểu số...) được thực hiện tốt	1142	4.75	97.2%
Tiếp cận dịch vụ giáo dục	Cung cấp các thông tin về tuyển sinh và nhập học... đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, kịp thời	1142	4.79	96.8%

Lĩnh vực	Tiêu chí	Số người	Điểm TB	% Hải lòng
Cơ sở vật chất	Điều kiện (máy tính, mạng Internet,...) đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong nhà trường	1142	4.57	91.9%
Cơ sở vật chất	Phòng thí nghiệm, phòng/xưởng thực hành đáp ứng yêu cầu về quy mô, chuyên ngành đào tạo, diện tích chuyên dùng	1142	4.58	93.6%
Cơ sở vật chất	Khu ký túc xá sinh viên đáp ứng yêu cầu về diện tích, tiện ích, an toàn, vệ sinh,...	1142	4.62	92.4%
Cơ sở vật chất	Phòng học, giảng đường đáp ứng yêu cầu về diện tích, độ kiên cố, ánh sáng, âm thanh, vệ sinh,...	1142	4.66	94.4%
Cơ sở vật chất	Thư viện đủ sách, tài liệu tham khảo, thiết bị chuyên dùng; thời gian phục vụ hợp lý	1142	4.66	94.0%
Môi trường đào tạo	Môi trường tự nhiên đầy đủ cây xanh bóng mát, ánh sáng, thoáng đãng	1142	4.65	94.8%
Môi trường đào tạo	Nhà trường chú trọng tiếp nhận ý kiến phản hồi của sinh viên về chất lượng các dịch vụ giáo dục của trường	1142	4.69	95.5%
Môi trường đào tạo	Hoạt động tư vấn hỗ trợ sinh viên trong quá trình đào tạo hiệu quả	1142	4.70	96.2%
Môi trường đào tạo	Khu vực trong và xung quanh trường đảm bảo an ninh, an toàn, lành mạnh	1142	4.70	94.8%
Môi trường đào tạo	Mối quan hệ giữa các sinh viên thân thiện, nhân ái, đoàn kết	1142	4.71	96.0%
Môi trường đào tạo	Cán bộ nhân viên, giảng viên quan tâm, thân thiện, nhiệt tình, tư vấn cho sinh viên	1142	4.75	96.8%
Hoạt động đào tạo	Việc đào tạo bảo đảm chất lượng và hiệu quả.	1142	4.72	96.3%
Hoạt động đào tạo	Hình thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên đa dạng, công bằng, khách quan.	1142	4.72	96.1%
Hoạt động đào tạo	Tổ chức đa dạng hoạt động hướng nghiệp (cung cấp thông tin và cơ hội việc làm, giao lưu với nhà tuyển dụng,...)	1142	4.72	96.1%
Hoạt động đào tạo	Giảng viên chú trọng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, tư duy sáng tạo, kỹ năng thực hành,... cho sinh viên.	1142	4.73	96.3%
Kết quả đào tạo	Anh/Chị nắm vững kiến thức chuyên môn nghề nghiệp	1142	4.68	95.8%
Kết quả đào tạo	Anh/Chị có năng lực thực hành nghề nghiệp	1142	4.68	95.0%
Kết quả đào tạo	Anh/Chị có khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc	1142	4.70	95.5%
Kết quả đào tạo	Anh/Chị có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ	1142	4.71	95.4%
Kết quả đào tạo	Anh/Chị có tinh thần lập nghiệp	1142	4.71	94.9%
Kết quả đào tạo	Anh/Chị có phẩm chất đạo đức, sức khỏe tốt, có ý thức phục vụ nhân dân	1142	4.78	96.8%

Chỉ số	Giá trị
Người tham gia	1142
Tỷ lệ hài lòng	95%

Điểm trung bình được tính dựa trên thang điểm 5.

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

- Công tác tổ chức triển khai khảo sát đo lường sự hài lòng của người học đối với dịch vụ giáo dục công được Nhà trường quan tâm, chỉ đạo sát sao. Sự phối hợp giữa Phòng Công tác Sinh viên với các Khoa, Cố vấn học tập được thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc, đúng tiến độ kế hoạch đề ra.

- Số lượng sinh viên tham gia khảo sát đồng (1142 sinh viên), đối tượng khảo sát đa dạng đại diện cho các ngành học, khóa học đang đào tạo tại Nhà trường, đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy của dữ liệu thu thập.

- Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng chung của người học đối với chất lượng dịch vụ giáo dục của nhà trường đạt tỷ lệ rất cao (điểm trung bình đạt từ 4.5 đến 4.8 điểm trên thang điểm 5; tỷ lệ hài lòng chung đạt 95%). Đặc biệt là các lĩnh vực: tiếp cận dịch vụ giáo dục, hỗ trợ, tư vấn học đường và công tác xã hội, các thủ tục hành chính từ nhập học cho đến các công tác giải quyết chế độ chính sách, chất lượng đào tạo đều đạt ở mức cao (trên 95%). Thủ tục hành chính, nhập học thuận tiện; thông tin tuyển sinh công khai, rõ ràng. Đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ, tâm huyết, thân thiện và luôn quan tâm hỗ trợ sinh viên trong học tập cũng như trong cuộc sống. Cảnh quan khuôn viên trường học luôn đảm bảo xanh - sạch - đẹp, an ninh an toàn tốt.

Nhà trường yêu cầu Trưởng các Khoa, Cố vấn học tập, Đoàn Thanh niên phổ biến đến các sinh viên được biết kết quả khảo sát, xác định chỉ số hài lòng của sinh viên hệ đại học chính quy đối với dịch vụ giáo dục công tại Trường Đại học Điện lực./. *ML*

Nơi nhận:

- Sinh viên các khóa liên quan;
- Các đơn vị liên quan (để thực hiện);
- Phó HT (để biết);
- Đăng cổng thông tin sinh viên;
- Lưu: VT, CTSV, Tuần PM (01). *10*

HIỆU TRƯỞNG
[Signature]
Đinh Văn Châu

THƯỜNG